TOÀ ÁN NHÂN DÂN	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
HUYỆN V	**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
TỈNH THÁI BÌNH	

Bản án số: 35/2020/HS-ST

Ngày: 09 - 7 - 2020

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN V - TỈNH THÁI BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Nguyễn Thị Hải Lý.

Các hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Thanh Nghĩa;

2. Bà Trần Thị Thu Hiền.

- ***Thư ký phiên toà*:** Bà Phạm Thị Hương - Thư ký Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Thái Bình.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện V, tỉnh Thái Bình tham gia phiên tòa:*** Ông Nguyễn Hoàng H - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 7 năm 2020, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Thái Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 31/2020/TLST-HS ngày 28 tháng 5 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 34/2020/QĐXXST- HS ngày 26 tháng 6 năm 2020 đối với bị cáo:

Lại Mạnh T, sinh ngày 14 tháng 8 năm 1996 tại huyện Đ, tỉnh Thái Bình; Nơi cư trú: thôn Đ, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Thái Bình; nghề nghiệp: Lao động tự do; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; giới tính: Nam; trình độ học vấn(văn hóa): 9/12; con ông Lại Tuấn A và bà Lại Thị L; vợ: Nguyễn Thị D, sinh năm 1998; bị cáo có 01 con;Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo không bị bắt, tạm giữ, tạm giam; hiện đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú.*(Có mặt)*

* *Bị hại:* Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên Chuyển phát nhanh T;

Địa chỉ: 1xx, Đ, Phường xx, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh;

Người đại diện theo pháp luật: Ông X; chức vụ: Tổng Giám đốc;

Người đại diện theo ủy quyền: Ông L ; chức vụ: Giám đốc chi nhánh Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên Chuyển phát nhanh T - Chi nhánh B

Địa chỉ: Lô X, Cụm công nghiệp V, phường V, thành phố B, tỉnh Bắc Ninh.

Người đại diện theo ủy quyền lại: Chị Trương Thị Hương M, sinh năm 1997;

Trú tại: Khu X, phường Đ, thành phố B, tỉnh Bắc Ninh.

(Chị M vắng mặt)

** Người làm chứng:*

- Anh Nguyễn Hữu T, sinh năm 1989;

Trú tại: Tổ 26, phường H, thành phố T, tỉnh Thái Bình.

- Chị Đỗ Thị H, sinh năm 1993;

Trú tại: Thôn B, xã V, huyện V, tỉnh Thái Bình.

- Anh Đỗ Xuân T, sinh năm 1989;

Trú tại: Thôn T, xã P, huyện Vũ T, tỉnh Thái Bình.

- Chị Bùi Thị H, sinh năm 1998;

Trú tại: Thôn M, xã T, huyện V, tỉnh Thái Bình.

- Anh Trần Thanh T, sinh năm 1987;

Trú tại: Thôn T, xã X, huyện V, tỉnh Thái Bình.

- Anh Nguyễn Văn H, sinh năm 1993;

Trú tại: Thôn T, xã H, huyện V, tỉnh Thái Bình.

- Anh Trịnh Viết T, sinh năm 1977;

Trú tại: Thôn B, xã B, huyện V, tỉnh Thái Bình.

- Anh Phạm Tiến H, sinh năm 1996;

Trú tại: Thôn T, xã S, huyện V, tỉnh Thái Bình.

- Anh Vũ Thế H, sinh năm 1990;

Trú tại: Thôn Đ, xã T, huyện V, tỉnh Thái Bình.

- Anh Nguyễn Thanh T, sinh năm 2003;

Trú tại: Thôn N, xã H , huyện V, tỉnh Thái Bình.

(Anh T, chị H, anh T, chị H, anh Trần Thanh T, anh H, anh Trịnh Viết T, anh H, anh H, anh T đều vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Lại Mạnh T là nhân viên chuyển phát của Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên Chuyển phát nhanh T - Chi nhánh B (sau đây gọi tắt là Công ty T). T được phân công làm việc tại Bưu cục V, có địa chỉ tại số X, tổ M, thị trấn V, huyện V, tỉnh Thái Bình. Theo quy định của Công ty T, vào hồi 07 giờ 30 phút hàng ngày, T đến Bưu cục V điểm danh, chấm công rồi nhận bưu kiện từ nhân viên văn phòng để đi giao cho khách hàng và thu tiền (gồm có tiền hàng và tiền cước phí vận chuyển) theo thông tin đã được ghi trong vận đơn dán trên từng bưu kiện. Khi giao được bưu kiện cho khách hàng, T phải báo ngay với Công ty T là đã giao hàng thành công thông qua ứng dụng "J&T Sprinter" được cài đặt trên điện thoại di động cá nhân nhãn hiệu Xiaomi Redmi Note 5 Pro của T. Trường hợp khách hàng từ chối nhận bưu kiện hoặc hẹn nhận vào thời gian khác thì T cũng phải báo ngay với công ty thông qua ứng dụng "J&T Sprinter". Khoảng 18 giờ đến 20 giờ hằng ngày, T phải trở về Bưu cục V nộp lại số tiền đã thu từ khách hàng và những bưu kiện chưa giao được cho nhân viên văn phòng. Trong khoảng thời gian từ ngày 14/01/2020 đến ngày 22/01/2020, T đã giao thành công 08 bưu kiện và đã được khách hàng thanh toán đầy đủ tiền hàng cùng với tiền cước phí vận chuyển, tổng số là 23.565.645 đồng (Hai mươi ba triệu năm trăm sáu mươi lăm nghìn sáu trăm bốn mươi lăm đồng) nhưng T lại báo với công ty thông qua ứng dụng "J&T Sprinter" là chưa giao được 08 bưu kiện này, chiếm đoạt tiền của công ty để chi tiêu cá nhân. Để không bị công ty phát hiện, T đã xin lại 05 vỏ bưu kiện từ khách hàng và tự làm giả 03 vỏ bưu kiện còn lại rồi cắt dán, đóng gói bưu kiện lại như cũ, đem về bàn giao cho nhân viên văn phòng. Gồm các bưu kiện sau:

1. Bưu kiện có mã vận đơn số 842017326xxx, là thuốc tân dược giao cho anh Đỗ Xuân T ngày 14/01/2020, đã được anh T thanh toán số tiền 9.590.000 đồng. T đã in lại vận đơn từ ảnh mà T đã chụp bưu kiện trước khi giao cho anh T rồi cắt, dán, đóng gói làm giả bưu kiện, nộp lại cho nhân viên văn phòng.

2. Bưu kiện có mã vận đơn số 812015707xxx, là 01 điện thoại di động giao cho chị Bùi Thị H ngày 17/01/2020, đã được chị H thanh toán số tiền 3.399.000 đồng. T đã in lại vận đơn từ ảnh mà T đã chụp bưu kiện trước khi giao cho chị H rồi cắt, dán, đóng gói làm giả bưu kiện, nộp lại cho nhân viên văn phòng.

3. Bưu kiện có mã vận đơn số 802000357xxx, là bộ micro giao cho anh Trần Thanh T ngày 18/01/2020, đã được anh T thanh toán số tiền 2.732.574 đồng. Sau khi giao được bưu kiện, T xin lại vỏ bưu kiện đem về rồi dán, đóng gói bưu kiện lại như cũ, nộp lại cho nhân viên văn phòng.

4. Bưu kiện có mã vận đơn số 842017809xxx, là một đôi giày giao cho anh Nguyễn Văn H ngày 18/01/2020, đã được anh H thanh toán số tiền 2.248.007 đồng. Sau khi giao được bưu kiện, T xin lại vỏ bưu kiện đem về rồi dán, đóng gói bưu kiện lại như cũ, nộp lại cho nhân viên văn phòng.

5. Bưu kiện có mã vận đơn số 812015698xxx, là một bức tranh giao cho anh Trịnh Viết T ngày 20/01/2020, đã được anh T thanh toán số tiền 541.900 đồng. T đã in lại vận đơn từ ảnh mà T đã chụp bưu kiện trước khi giao cho anh T rồi cắt, dán, đóng gói làm giả bưu kiện, nộp lại cho nhân viên văn phòng.

6. Bưu kiện có mã vận đơn số 842017914xxx, là mỹ phẩm giao cho anh Phạm Tiến H ngày 21/01/2020, đã được anh H thanh toán số tiền 1.040.000 đồng. Sau khi giao được bưu kiện, T nhặt lại vỏ bưu kiện đem về rồi dán, đóng gói bưu kiện lại như cũ, nộp lại cho nhân viên văn phòng.

7. Bưu kiện có mã vận đơn số 812015779xxx, là 01 thùng nước ngọt giao cho anh Vũ Thế H ngày 22/01/2020, đã được anh H thanh toán số tiền 556.164 đồng. Sau khi giao được bưu kiện, T xin lại vỏ bưu kiện đem về rồi dán, đóng gói bưu kiện lại như cũ, nộp lại cho nhân viên văn phòng.

8. Bưu kiện có mã vận đơn số 812015860xxx, là 01 điện thoại di động giao cho anh Nguyễn Thanh T ngày 22/01/2020, đã được anh T thanh toán số tiền 3.458.000 đồng. Sau khi giao được bưu kiện, T xin lại vỏ bưu kiện đem về rồi dán, đóng gói bưu kiện lại như cũ, nộp lại cho nhân viên văn phòng.

Ngày 22/01/2020, anh Nguyễn Hữu T là quản lý Bưu cục V và chị Đỗ Thị H là nhân viên văn phòng kiểm tra, phát hiện hành vi gian dối của Lại Mạnh T nên đã báo cáo Công ty. Ngày 11/02/2020, Công ty T gửi đơn tố giác đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện V đề nghị khởi tố vụ án để điều tra, giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa, bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như nêu trên.

Bản cáo trạng số: 35/CT - VKSVT ngày 27/5/2020 của Viện kiểm sát nhân dân huyện V đã truy tố bị cáo Lại Mạnh T về tội "Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản" theo khoản 1 Điều 175 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện V giữ nguyên quan điểm như đã truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 175; điểm b, i, s khoản 1 Điều 51; Điều 50; Điều 65 Bộ luật hình sự, tuyên bố: Bị cáo Lại Mạnh T phạm tội: "Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản"; xử phạt Lại Mạng T từ 09 tháng đến 01 năm tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 01 năm 06 tháng đến 02 năm, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm 09/7/2020.

Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo do bị cáo không có tài sản riêng và thu nhập không ổn định.

Về xử lý vật chứng và tài sản: Áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự đề nghị tịch thu tiêu hủy: 01 hộp bìa giấy được dán kín bằng băng dính, trên hộp có dán giấy in mã vận đơn số 802000357xxx; 01 phong bì được dán kín bằng băng dính bên ngoài có dán giấy in mã vận đơn số 812015698xxx; 01 hộp bìa giấy cát tông được dán kín bằng băng dính, bên ngoài có dán giấy in mã vận đơn số 812015707xxx; 01 bao bì nilon màu đen được dán kín bằng băng dính, bên ngoài có dán giấy in mã vận đơn số 812015779xxx; 01 vỏ hộp bìa cát tông, bên ngoài có dán giấy in mã vận đơn số 812015860xxx; 01 bao bì nilon bên trên có dán giấy in mã vận đơn số 842017326xxx; 01 hộp bìa cát tông được dán kín bằng băng dính và nilon, bên ngoài có dán giấy in mã vận đơn số 842017809xxx; 01 bao bì nilon được cuốn quanh bằng băng dính, bên ngoài có dán giấy in mã vận đơn số 842017914xxx.

Về bồi thường thiệt hại: Công ty T yêu cầu bị cáo Lại Mạnh T phải trả lại số tiền 29.277.664 đồng của 14 bưu kiện, đã trừ đi 80.581 đồng tiền phí vận chuyển và yêu cầu T bồi thường số tiền 5.873.260 đồng vì làm tổn hại đến uy tín của công ty, bị cáo, bị hại đã tự nguyện thỏa thuận bồi thường xong, không có yêu cầu gì thêm nên không đặt ra giải quyết.

Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Bị cáo nói lời sau cùng: Bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét, cho bị cáo được cải tạo tại địa phương để bị cáo lao động, phụ giúp cho gia đình vì kinh tế gia đình bị cáo rất khó khăn và để bị cáo có điều kiện chữa bệnh Betathalassaemia (xuất huyết dưới nhện vùng thái dương trái).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng trong điều tra, truy tố, xét xử:

Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện V, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện V, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến gì và không khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Các chứng cứ buộc tội bị cáo:

Lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai tại cơ quan điều tra và nội dung bản cáo trạng đã truy tố và phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác thu thập được có trong hồ sơ vụ án như: Hợp đồng lao động số 020xxx/2019/HĐLĐ-JT ngày 24/10/2019 được ký giữa Lại Mạnh T và Công ty T; Đơn trình báo của bị hại là Công ty T Bảng tổng hợp những vận đơn Lại Mạnh T chiếm đoạt và biên bản ghi lời khai của những người được Công ty T ủy quyền là anh Nguyễn Hoàng G, chị Trương Thị Hương M; Bản in nội dung tin nhắn ngày 22/01/2020 trên điện thoại cá nhân, từ số thuê bao 09856821xx của Lại Mạnh T đến số thuê bao 09642487xx của anh Đỗ Xuân T; Các Biên bản giao nhận tài liệu, đồ vật, dữ liệu điện tử và Biên bản làm việc do Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện V lập ngày 11/02/2020, ngày 27/02/2020, ngày 31/3/2020 tại trụ sở Công an huyện V, tỉnh Thái Bình; Biên bản ghi lời khai của người làm chứng: anh Nguyễn Hữu T, chị Đỗ Thị H, anh Đỗ Xuân T, chị Bùi Thị H, anh Trần Thanh T, anh Nguyễn Văn H, anh Trịnh Viết T, anh Phạm Tiến H, anh Vũ Thế H và anh Nguyễn Thanh T.

Do đó, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận: Trong khoảng thời gian từ ngày 14/01/2020 đến ngày 22/01/2020, Lại Mạnh T được Bưu cục huyện V (thuộc Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên Chuyển phát nhanh T) giao các bưu kiện để đi giao cho khách hàng và thu tiền. T đã giao thành công 08 bưu kiện và đã được 08 khách hàng thanh toán đầy đủ tiền hàng cùng với tiền cước phí vận chuyển, tổng số là 23.565.645 đồng nhưng T đã gian dối, báo với Công ty T là chưa giao được 08 bưu kiện này, làm giả 08 bưu kiện nộp lại cho Bưu cục V để chiếm đoạt tiền của công ty, chi tiêu cá nhân. Hành vi của Lại Mạnh T đã phạm vào tội: "Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản".

Tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 175 Bộ luật hình sự .

Điều 175. Tội lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản

"1. Người nào thực hiện một trong các hành vi sau đây chiếm đoạt tài sản của người khác trị giá từ 4.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 4.000.000 đồng nhưng đã bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi chiếm đoạt tài sản hoặc đã bị kết án về tội này hoặc về một trong các tội quy định tại các Điều 168, 169, 170, 171, 172, 173, 174 và 290 của Bộ luật này, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm hoặc tài sản là phương tiện kiếm sống chính của người bị hại và gia đình họ, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm:

a) Vay, mượn, thuê tài sản của người khác hoặc nhận được tài sản của người khác bằng hình thức hợp đồng rồi dùng thủ đoạn gian dối hoặc bỏ trốn để chiếm đoạt tài sản đó hoặc đến thời hạn trả lại tài sản mặc dù có điều kiện, khả năng nhưng cố tình không trả;

b) Vay, mượn, thuê tài sản của người khác hoặc nhận được tài sản của người khác bằng hình thức hợp đồng và đã sử dụng tài sản đó vào mục đích bất hợp pháp dẫn đến không có khả năng trả lại tài sản.

...

5. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm hoặc tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản".

[3] Đánh giá tính chất, mức độ, hậu quả hành vi phạm tội của bị cáo:

Hành vi lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản là hành vi nguy hiểm cho xã hội. Hành vi đó đã xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của tổ chức và cá nhân được pháp luật bảo vệ, gây ảnh hưởng xấu đến danh dự, uy tín, hình ảnh của công ty. Bị cáo là người đã thành niên, có sức khỏe, có công việc và có thu nhập. Lẽ ra bị cáo phải tích cực lao động sản xuất để tăng thêm thu nhập nhưng sau khi bị cáo được Bưu cục huyện V giao các bưu kiện để đi giao cho khách hàng và thu tiền. Khi đã giao thành công và đã được 08 khách hàng thanh toán đầy đủ tiền hàng cùng với tiền cước phí vận chuyển, tổng số là 23.565.645 đồng; T đã dùng thủ đoạn gian dối báo với Công ty T là chưa giao được 08 bưu kiện và làm giả 08 bưu kiện nộp lại cho Bưu cục V để chiếm đoạt số tiền trên do T đang quản lý. Hành vi của bị cáo thể hiện sự coi thường pháp luật, thể hiện lối sống buông thả, thiếu trách nhiệm với bản thân, gia đình và xã hội nên bị cáo phải chịu trách nhiệm về hành vi của mình trước pháp luật.

[4] Đánh giá về nhân thân, các tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự của bị cáo:

Về nhân thân của bị cáo: Bị cáo Lại Mạnh T có nhân thân tốt và không có tiền án, tiền sự.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo: Hội đồng xét xử xét thấy quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn, hối cải; bị cáo cũng đã tự nguyện bồi thường thiệt hại cho bị hại để khắc phục hậu quả do hành vi phạm tội mà bị cáo gây ra và phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Do vậy, bị cáo được 03 hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại các điểm b, i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo không bị áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào quy định tại khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự.

Căn cứ vào hành vi phạm tội của bị cáo, nhân thân của bị cáo và các tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự của bị cáo. Hội đồng xét xử xét thấy: Bị cáo phạm tội lần đầu, thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, có nơi cư trú rõ ràng và có khả năng tự cải tạo. Do vậy không nhất thiết phải cách ly bị cáo T ra

khỏi đời sống xã hội cũng đủ tác dụng cải tạo, giáo dục bị cáo trở thành người công dân có ích cho xã hội, việc cho bị cáo được hưởng án treo không gây nguy hiểm cho xã hội, không ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh chính trị, trật tự, an toàn xã hội. Vì vậy, cần xử phạt bị cáo T mức án như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là phù hợp.

Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 5 Điều 175 Bộ luật hình sự quy định *"Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm hoặc tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản"*.

Xét thấy, bị cáo không có tài sản riêng và thu nhập không ổn định, do vậy không áp dụng hình phạt tiền đối với bị cáo.

[5] Về trách nhiệm bồi thường thiệt hại:

Trong quá trình điều tra, Công ty T đã yêu cầu Lại Mạnh T phải trả lại số tiền 29.277.664 đồng của 14 bưu kiện, đã trừ đi 80.581 đồng tiền phí vận chuyển và yêu cầu T bồi thường số tiền 5.873.260 đồng do làm tổn hại đến uy tín của công ty. Công ty đã nhận đủ số tiền này và không yêu cầu bị cáo bồi thường gì thêm. Xét đây là sự tự nguyện thỏa thuận giữa bị cáo và bị hại nên cần căn cứ vào khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự, Điều 584, Điều 585, Điều 589 Bộ luật Dân sự; Hội đồng xét xử chấp nhận không đặt ra giải quyết.

[6] Về vật chứng, xử lý vật chứng:

Tịch thu, tiêu hủy: 01 hộp bìa giấy được dán kín bằng băng dính, trên hộp có dán giấy in mã vận đơn số 802000357xxx; 01 phong bì được dán kín bằng băng dính bên ngoài có dán giấy in mã vận đơn số 812015698xxx; 01 hộp bìa giấy cát tông được dán kín bằng băng dính, bên ngoài có dán giấy in mã vận đơn số 812015707xxx; 01 bao bì nilon màu đen được dán kín bằng băng dính, bên ngoài có dán giấy in mã vận đơn số 812015779xxx; 01 vỏ hộp bìa cát tông, bên ngoài có dán giấy in mã vận đơn số 812015860xxx; 01 bao bì nilon bên trên có dán giấy in mã vận đơn số 842017326xxx; 01 hộp bìa cát tông được dán kín bằng băng dính và nilon, bên ngoài có dán giấy in mã vận đơn số 842017809xxx; 01 bao bì nilon được cuốn quanh bằng băng dính, bên ngoài có dán giấy in mã vận đơn số 842017914xxx do không có giá trị sử dụng là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

[7] Về các vấn đề khác:

Trong thời gian từ ngày 14/01/2020 đến ngày 22/01/2020, Lại Mạnh T còn giao 06 bưu kiện và được các khách hàng thanh toán đầy đủ tiền hàng và tiền cước vận chuyển là 5.792.600 đồng (Năm triệu, bảy trăm chín mươi hai nghìn, sáu trăm đồng). T đã báo giao hàng thành công với Công ty T qua ứng dụng "J&T sprinter" nhưng đến hết ngày 22/01/2020 T chưa chuyển tiền về Bưu

cục V theo quy định mà dùng để chi tiêu cá nhân. Kết quả điều tra xác định T không có thủ đoạn gian dối hoặc bỏ trốn để chiếm đoạt số tiền trên, không sử dụng vào mục đích bất hợp pháp. Đến nay, T đã trả lại số tiền này cho Công ty T. Cơ quan điều tra xác định T chỉ chậm nộp tiền về công ty, không chiếm đoạt nên không xử lý là phù hợp.

Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm. Bị cáo và bị hại có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 175; điểm b, i, s khoản 1 Điều 51; Điều 65; Điều 47 Bộ luật Hình sự; khoản 2 Điều 106; Điều 135; Điều 136; Điều 331; Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Lại Mạnh T phạm tội "Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản".

2. Về hình phạt: Xử phạt Lại Mạnh T 01 (một) năm tù cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 02 (hai) năm, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm 09/7/2020.

Giao bị cáo Lại Mạnh T cho Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện Đ , tỉnh Thái Bình giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 92 Luật thi hành án hình sự. Trong thời gian thử thách, nếu bị cáo Lại Mạnh T cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

3. Về vật chứng, xử lý vật chứng:

Tịch thu, tiêu hủy: 01 hộp bìa giấy được dán kín bằng băng dính, trên hộp có dán giấy in mã vận đơn số 802000357xxx; 01 phong bì được dán kín bằng băng dính bên ngoài có dán giấy in mã vận đơn số 812015698xxx; 01 hộp bìa giấy cát tông được dán kín bằng băng dính, bên ngoài có dán giấy in mã vận đơn số 812015707xxx; 01 bao bì nilon màu đen được dán kín bằng băng dính, bên ngoài có dán giấy in mã vận đơn số 812015779xxx; 01 vỏ hộp bìa cát tông, bên ngoài có dán giấy in mã vận đơn số 812015860xxx; 01 bao bì nilon bên trên có dán giấy in mã vận đơn số 842017326xxx; 01 hộp bìa cát tông được dán kín bằng băng dính và nilon, bên ngoài có dán giấy in mã vận đơn số

842017809xxx; 01 bao bì nilon được cuốn quanh bằng băng dính, bên ngoài có dán giấy in mã vận đơn số 842017914xxx.

(*Vật chứng của vụ án đã chuyển Chi cục Thi hành án dân sự huyện V theo Phiếu nhập kho vật chứng ngày 29 tháng 5 năm 2020*).

4. Về án phí: Bị cáo Lại Mạnh T phải nộp 200.000đồng án phí hình sự sơ thẩm.

"*Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự*".

5. Về quyền kháng cáo đối với bản án: Bị cáo Lại Mạnh T có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm 09/7/2020. Bị hại có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ nhận được Bản án hoặc Bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
-Bị cáo;
- Bị hại;
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Bình;
- Tòa án nhân dân tỉnh Thái Bình;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện V, tỉnh Thái Bình;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện V, tỉnh Thái Bình;
- UBND xã Đ, huyện Đ, tỉnh Thái Bình;
- Lưu Hồ sơ;
- Lưu HCTP.

TM HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)